

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2026
“*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lâm Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn X; sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã G, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc B; sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn X trình bày:

Ông Trần Văn X và bà Huỳnh Ngọc B chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì ông Trần Văn X và bà Huỳnh Ngọc B phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, ông Trần Văn X và bà Huỳnh Ngọc B có 01 con chung là Trần Thị Bích T (giới tính: nữ), sinh ngày 17/12/2012.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên ông Trần Văn X yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn X yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Huỳnh Ngọc B.

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung là Trần Thị Bích T (giới tính: nữ), sinh ngày 17/12/2012 cho bà Huỳnh Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, ông X không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc B: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông X nhưng bà B không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho bà B và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 01/4/2026, bị đơn bà B vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc B, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà B vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông

Trần Văn X được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc B, giao cho bà Huỳnh Ngọc B được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bích T (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/12/2012 đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn X không phải cấp dưỡng cho cháu T. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đồng thời quyết định về nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ông Trần Văn X khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung. Yêu cầu của ông X được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, bị đơn bà Huỳnh Ngọc B có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã G, Thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn của ông Trần Văn X và bà Huỳnh Ngọc B; bản sao căn cước công dân của ông Trần Văn X; bản sao Giấy khai sinh của các cháu Trần Thị Bích T (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/12/2012, đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của ông Trần Văn X về việc kết hôn với bà Huỳnh Ngọc B được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã G, Thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2012 là sự thật. Vì vậy, giữa ông X và bà B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, ông X và bà B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho ông Trần Văn X được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc B.

[4] Đối với quyền nuôi con chung: Con chung là Trần Thị Bích T (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/12/2012 hiện đang sống chung với bà Huỳnh Ngọc B, được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Đồng thời, Cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà Huỳnh Ngọc B và ông X đồng ý cho bà Huỳnh Ngọc B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà B không phản đối. Như vậy, bà B đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Đồng thời, phía bị đơn bà B không có ý kiến gì về việc yêu cầu ông X cấp dưỡng cho con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn X phải chịu là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Văn X được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc B.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho bà Huỳnh Ngọc B được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bích T (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/12/2012 đến khi Cháu T đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn X về không phải cấp dưỡng cho Cháu T.

Trong thời gian bà Huỳnh Ngọc B nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Trần Thị Bích T, bà Huỳnh Ngọc B có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; ông Trần Văn X có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn X phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003347 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ ông Trần Văn X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8-Cần Thơ;
- Phòng GD-KT-TT&THA TAND TPCT;
- UBND xã Gia Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Minh Tuấn